

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CĐ KỸ NGHỆ II

GIÁO TRÌNH
DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN
NGHỀ: DƯỢC

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*(Ban hành theo quyết định số / /QĐ-CĐKNII ngày tháng năm của
Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Kỹ Nghệ II)*

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN ĐÀO TẠO DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

Mã số mô đun: MĐ 48

Thời gian mô đun: 75 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành: 45 giờ)

I. VỊ TRÍ TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN:

- Vị trí:

+ Là mô đun tự chọn thực hiện sau khi sinh viên học xong các môn học, mô đun bắt buộc của Kỹ thuật dược.

- Tính chất:

+ Là mô đun chuyên môn, thuộc chương trình đào tạo Cao đẳng nghề Kỹ thuật dược.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN:

- Nêu được một số lý luận cơ bản của Đông y về thuốc;
- Trình bày được mục đích và kỹ thuật chung bào chế một số vị thuốc theo phương pháp cổ truyền;
- Vận dụng lý luận để chế biến được một số vị thuốc đạt tiêu chuẩn;
- Nêu được một vài nét cơ bản về thuốc thang, chè thuốc;
- Trình bày được kỹ thuật bào chế thuốc thang, chè thuốc;
- Điều chế được một số công thức thuốc thang, chè thuốc thông thường;
- Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực trong quá trình thực hành.

III. NỘI DUNG MÔ ĐUN:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
1	Kỹ thuật bào chế thuốc theo Y học cổ truyền	43	17	24	2
2	Kỹ thuật bào chế thuốc thang, chè thuốc	32	11	18	3
	Cộng	75	28	42	5

* Ghi chú: Thời gian kiểm tra được tích hợp giữa lý thuyết với thực hành được tính bằng giờ thực hành.

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Kỹ thuật bào chế thuốc theo Y học cổ truyền *Thời gian: 59 giờ*

Mục tiêu:

- Nêu được một số lý luận cơ bản của Đông y về thuốc;
- Trình bày được mục đích và kỹ thuật chung bào chế một số vị thuốc theo phương pháp cổ truyền;
- Vận dụng lý luận để chế biến được một số vị thuốc đạt tiêu chuẩn;
- Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực trong quá trình thực hành.

1. Một số lý luận cơ bản về đông y

1.1. Thuyết “Thiên – Nhân hợp nhất”

1.2. Thuyết “Âm Dương”

1.3. Thuyết “Ngũ hành”

1.4. Thuyết “Tạng tượng”

1.5. Thuyết “Kinh lạc”

1.6. Thuyết “Thủy hỏa”

2. Vận dụng thuyết ngũ hành trong việc xét tính chất và dùng thuốc

3. Tính năng và tác dụng của thuốc

4. Mục đích chế biến thuốc đông dược

4.1. Làm giảm bớt hoặc loại bỏ độc tính, tác dụng phụ của thuốc không cần thiết trong điều trị một loại bệnh nhất định nào đó

4.2. Làm cho thuốc được ôn hòa hơn hay thay đổi tính năng tác dụng của nó.

4.3. Đưa thuốc dẫn vào hệ thống kinh lạc phục vụ mục đích điều trị

4.4. Giúp cho việc bảo quản được dễ dàng hơn và chất lượng thuốc được đảm bảo

5. Kỹ thuật bào chế thuốc đông dược

5.1. Chế biến sơ bộ (sinh chế)

5.1.1. Loại tạp

5.1.2. Làm khô

5.1.3. Chia phiến

5.2. Chế biến hoàn chỉnh (thực chế)

5.2.1. Hỏa chế

5.2.1.1. Sao

5.2.1.1.1. Sao trực tiếp

-Sao qua (vi sao)

-Sao vàng (hoàng sao)

-Sao vàng hạ thổ

-Sao vàng sém cạnh

-Sao cháy (thán sao)

5.2.1.1.2. Sao gián tiếp

- Sao trấu

- Sao cát
- Sao vân cấp (tro vỏ sò)
- 5.2.1.2. Lùi (ôi)
- 5.2.1.3. Nung
- 5.2.2. Thủy chế (dùng chất lỏng)
- 5.2.2.1. Ngâm, ủ
- 5.2.2.2. Thủy phi
- 5.2.3. Thủy hỏa chế (dùng phối hợp nhiệt và chất lỏng)
- 5.2.3.1. Tẩm mật sao
- 5.2.3.2. Tẩm rượu sao
- 5.2.3.3. Tẩm gừng sao
- 5.2.3.4. Tẩm giấm sao
- 5.2.3.5. Tẩm nước muối sao
- 5.2.3.6. Tẩm các chất khác sao
- 5.2.3.7. Chưng
- 5.2.3.8. Nấu
- 5.2.3.9. Đồ
- 5.2.3. Một số phương pháp chế biến khác
- 5.3. Một số phụ liệu được dùng chế biến thuốc
- 5.4. Kỹ thuật bào chế các loại dược liệu thường dùng
- 5.4.1. Chế dược liệu độc
- 5.4.2. Chế dược liệu thường

Bài 2: Kỹ thuật bào chế thuốc thang, chè thuốc

Thời gian: 46 giờ

Mục tiêu:

- Nêu được một vài nét cơ bản về thuốc thang, chè thuốc;
- Trình bày được kỹ thuật bào chế thuốc thang, chè thuốc;
- Điều chế được một số công thức thuốc thang, chè thuốc thông thường;
- Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực trong quá trình

thực hành.

1. Thuốc thang
 - 1.1. Ưu nhược điểm và phân loại thuốc thang
 - 1.1.1. Ưu, nhược điểm
 - 1.1.2. Phân loại thuốc thang
 - 1.2. Thành phần
 - 1.2.1. Dược liệu
 - 1.2.2. Nước
 - 1.3. Kỹ thuật điều chế thuốc thang
 - 1.3.1. Chuẩn bị
 - 1.3.2. Cách sắc thuốc thang

- 1.3.2.1. Sắc trước
- 1.3.2.2. Sắc sau
- 1.3.2.3. Cho vào túi vải để sắc
- 1.3.2.4. Chiết nước riêng
- 1.3.2.5. Trộn với nước sắc trước khi dùng
- 1.3.3. Bảo quản
- 1.4. Một số công thức thuốc thang
- 2. Chè thuốc
- 2.1. Thành phần
- 2.2. Kỹ thuật điều chế chè thuốc
- 2.2.1. Chuẩn bị
- 2.2.2. Kỹ thuật bào chế chè thuốc
- 2.2.3. Cách dùng
- 2.3. Một số công thức chè thuốc

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

- Vật liệu: Phấn, giấy...
- Dụng cụ và trang thiết bị:
 - + Máy tính cá nhân, sổ tay tra cứu.
 - + Máy vi tính, máy chiếu projector.
- Học liệu: Có tài liệu về bào chế các thuốc theo Y học cổ truyền.
- Nguồn lực khác: Phòng học lý thuyết, phòng thực hành có đủ dụng cụ để thực hành.

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

Phương pháp đánh giá:

- Viết, trắc nghiệm: Sử dụng bộ câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi ngắn, nhằm kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên.
- Dựa trên năng lực thực hành cách bào chế các dạng thuốc: thuốc y học cổ truyền, thuốc thang, chè thuốc.

Nội dung đánh giá :

- Kiến thức:
 - + Các khái niệm, nguyên tắc chung trong bào chế : thuốc y học cổ truyền, thuốc thang, chè thuốc.
 - + Quy trình bào chế các dạng thuốc: thuốc y học cổ truyền, thuốc thang, chè thuốc.

- Kỹ năng :

+ Khả năng tính toán công thức, định mức nguyên phụ liệu bào chế
+ Khả năng thực hiện bào chế các dạng thuốc: thuốc y học cổ truyền, thuốc thang, chè thuốc.

- Thái độ:

+ Có ý thức học tập tích cực, tham gia đầy đủ thời lượng mô đun, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

- Mô đun tự chọn được giảng dạy trong chương trình đào tạo hệ Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề Kỹ thuật dược.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy mô đun:

- Phương pháp thực hiện: giảng giải, phát vấn, làm bài tập, hoạt động nhóm, nghiên cứu tài liệu;

- Thao tác mẫu chính xác, dứt khoát, rõ ràng.

- Khi giảng dạy cần giúp sinh viên thực hiện các thao tác, tư thế chính xác, nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí của từng bài học.

- Tăng cường công tác sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học, thao tác mẫu để tăng hiệu quả dạy học

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Trọng tâm mô đun là các bài 1, 2.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1]. Phạm Xuân Sinh, Bào chế thuốc theo Y học cổ truyền. NXB Y học.2002.

[2]. Võ Xuân Minh, *Bào chế II*, NXB Y học năm 2008.

[3]. Nguyễn Lý Cường, *Giáo trình Bào chế*, Trường Cao đẳng Dược TW. 2010

Bài 1: Kỹ thuật bào chế thuốc theo Y học cổ truyền

Mục tiêu:

- Nêu được một số lý luận cơ bản của Đông y về thuốc;
- Trình bày được mục đích và kỹ thuật chung bào chế một số vị thuốc theo phương pháp cổ truyền;
- Vận dụng lý luận để chế biến được một số vị thuốc đạt tiêu chuẩn;
- Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực trong quá trình thực hành.

NỘI DUNG

1. Một số lý luận cơ bản về đông y
 - 1.1. Thuyết “Thiên – Nhân hợp nhất”
 - 1.2. Thuyết “Âm Dương”
 - 1.3. Thuyết “Ngũ hành”
 - 1.4. Thuyết “Tạng tượng”
 - 1.5. Thuyết “Kinh lạc”
 - 1.6. Thuyết “Thủy hỏa”
2. Vận dụng thuyết ngũ hành trong việc xét tính chất và dùng thuốc
3. Tính năng và tác dụng của thuốc
4. Mục đích chế biến thuốc đông dược
 - 4.1. Làm giảm bớt hoặc loại bỏ độc tính, tác dụng phụ của thuốc không cần thiết trong điều trị một loại bệnh nhất định nào đó
 - 4.2. Làm cho thuốc được ôn hòa hơn hay thay đổi tính năng tác dụng của nó.
 - 4.3. Đưa thuốc dẫn vào hệ thống kinh lạc phục vụ mục đích điều trị
 - 4.4. Giúp cho việc bảo quản được dễ dàng hơn và chất lượng thuốc được đảm bảo
5. Kỹ thuật bào chế thuốc đông dược
 - 5.1. Chế biến sơ bộ (sinh chế)
 - 5.1.1. Loại tạp

5.1.2. Làm khô

5.1.3. Chia phần

5.2. Chế biến hoàn chỉnh (thực chế)

5.2.1. Hỏa chế

5.2.1.1. Sao

5.2.1.1.1. Sao trực tiếp

-Sao qua (vi sao)

-Sao vàng (hoàng sao)

-Sao vàng hạ thổ

-Sao vàng sém cạnh

-Sao cháy (thán sao)

5.2.1.1.2. Sao gián tiếp

- Sao trấu

- Sao cát

- Sao vân cấp (tro vỏ sò)

5.2.1.2. Lùi (ổi)

5.2.1.3. Nung

5.2.2. Thủy chế (dùng chất lỏng)

5.2.2.1. Ngâm, ủ

5.2.2.2. Thủy phi

5.2.3. Thủy hỏa chế (dùng phối hợp nhiệt và chất lỏng)

5.2.3.1. Tẩm mật sao

5.2.3.2. Tẩm rượu sao

5.2.3.3. Tẩm gừng sao

5.2.3.4. Tẩm giấm sao

5.2.3.5. Tẩm nước muối sao

5.2.3.6. Tẩm các chất khác sao

5.2.3.7. Chưng

5.2.3.8. Nấu

5.2.3.9. Đồ

5.2.3. Một số phương pháp chế biến khác

5.3. Một số phụ liệu được dùng chế biến thuốc

5.4. Kỹ thuật bào chế các loại dược liệu thường dùng

5.4.1. Chế dược liệu độc

5.4.2. Chế dược liệu thường

1. Đại cương:

1.1. Khái niệm

Bào chế thuốc đông dược là chế biến những sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu như: thảo mộc, động vật, khoáng vật thành những vị thuốc và dạng thuốc dùng để phòng và chữa bệnh cho người.

Chế biến thuốc đông dược phải dựa trên cơ sở lý luận, mục đích chữa bệnh, phòng bệnh và kinh nghiệm gia truyền của thầy thuốc.

1.2. Một số lý luận cơ bản đông y

- **Lý luận “Thiên nhân hợp nhất”** coi thiên nhiên và con người là một khối thống nhất luôn tác động qua lại lẫn nhau. Con người là cơ năng của trời đất, con người là tiểu thiên địa. Quan hệ trời đất, con người là quan hệ “tam tài”. Thiên nhiên luôn biến đổi theo quy luật, khi con người không thích ứng kịp sẽ sinh bệnh, đông y sẽ giúp con người thích ứng kịp thời.

- **Lý luận “âm dương”** quy nạp từ quan sát sự vật, hiện tượng thiên nhiên và xã hội.

Theo “nội kinh” âm dương chỉ có tiếng không có hình là đạo lý trời đất, là đường lối của muôn vật, cha mẹ của mọi sự biến hoá, nguồn gốc của sự sinh, sát.

+ Âm chỉ: trầm tĩnh, ức chế, bên trong, bên dưới, tiêu cực, nhu nhược, lạnh lẽo.

+ Dương chỉ: hoạt động, kích thích, bên ngoài, ở trên, tích cực, mạnh mẽ, ấm áp.

Âm dương mâu thuẫn song thống nhất, như không có đêm thì không có ngày, không có ánh sáng thì sẽ không có bóng tối. Nếu mâu thuẫn ngừng sự sống con người sẽ bị đình chỉ, thống nhất sẽ bị phá vỡ có khi con người sẽ phát sinh bệnh tật.

Tóm lại âm dương mâu thuẫn, đối lập song thống nhất.

Trong chẩn đoán bệnh người thầy thuốc phải nhìn, nghe, vấn, bắt mạch, sờ, nắn tìm căn nguyên, chứng trạng nơi phát bệnh do dương chứng hay âm chứng.

+ Bệnh do ngoài xâm nhập là dương thịnh thì phạt dương, âm thịnh thì phạt âm.

+ Bệnh do tổn thương bên trong, do âm hư mà dương thịnh thì bổ âm dưỡng dương, hay dương hư mà âm thịnh thì bổ dương dưỡng âm.

+ Để phòng bệnh phải bảo tồn “chính khí” ngăn ngừa “tà khí” bằng khí công, thái cực quyền, xoa bóp và thuốc.

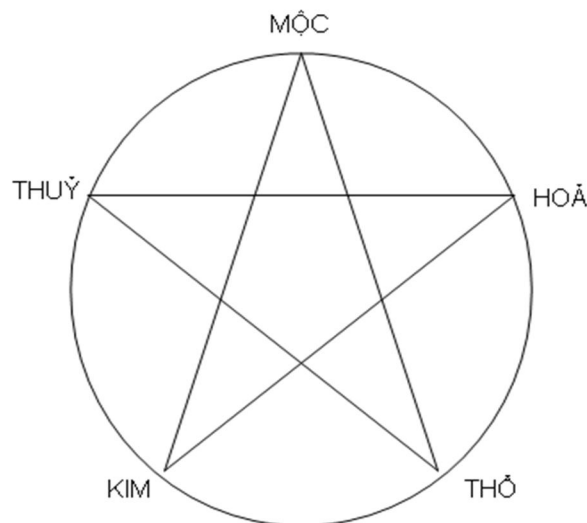
• **Lý luận “ngũ hành”** bổ sung, cụ thể hoá “âm dương” và quy nạp thành 5 hành khác nhau: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Nội dung: cơ bản có:

+ Tương sinh: chúng nương tựa nhau, giúp nhau sinh trưởng (mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc)

+ Tương khắc: chúng ức chế, ngăn ngừa sự thái quá của nhau để tồn tại (mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc)

Trên cơ sở tương sinh, tương khắc còn có hiện tượng chế hoá lẫn nhau đó là: Tương thừa ý nói kẻ mạnh xâm lấn kẻ yếu.

Tương vũ ý nói kẻ yếu xâm lấn lại kẻ mạnh.



Lý luận trên được minh hoạ như sau:

+ Trong chẩn trị dựa vào tương sinh, tương khắc, tương thừa, tương vũ của ngũ hành như: hoả thịnh khắc kim nên tâm (hoả) càng thịnh thì có thể gây bệnh ở phổi (kim)

+ Tương sinh, tương khắc là quan hệ mẹ con nên chẩn trị theo nguyên tắc: con hư bổ mẹ, mẹ thực tả con.

+ Trong phương dược: tìm, thu hái, chế biến thuốc dựa vào màu sắc của thuốc, mùi vị của thuốc để quy nạp vào các hành như: màu đỏ, vị đắng vào hành hoả (tâm); màu đen, vị mặn vào hành thủy (thận).

● **Quan niệm về thuốc:** thuốc có “tứ khí” “ngũ vị” quy nạp thành âm dương.

* Tứ khí: nhiệt, ôn thuộc dương. Hàn, lương thuộc âm.

* Ngũ vị: cay, ngọt thuộc dương. Đắng, chua, mặn thuộc âm.

- Chế biến thuốc đã dùng các yếu tố bên ngoài tác dụng vào khí vị của thuốc để thuốc có tính năng tác dụng cần có. Do ảnh hưởng tác động ngoại lai: nhiệt, cồn, dấm, nước, gừng, mật... thành phần của thuốc có thể bị biến đổi cần thiết như:

+ Diên hồ sách chế dấm có tác dụng trấn kinh, giảm đau tăng lên.

+ Mã tiền sao cát ở nhiệt độ khác nhau tính năng tác dụng cũng khác đi, độ độc giảm.

+ Hạt cau già thái mỏng, tán bột, ngâm nước giảm độ độc.

+ Hoè hoa sao để ổn định tác dụng.

+ Táo nhân tán sao trấn kinh, an thần, gây ngủ.

+ Hà thủ ô đỏ không dùng dụng cụ bằng sắt để chế biến.

+ Ba đậu ép bỏ dầu tác dụng nhuận tẩy

+ Khoáng vật để tán bột sau dùng nhiệt luyện và tôi.

- Xu hướng tác dụng của thuốc gồm:

+ Thăng: là đi lên thuộc dương.

+ Phù: phát tán từ trong ra ngoài thuộc dương.

+ Giáng: là đi xuống thuộc âm.

+ Trầm: thu liễm từ ngoài vào trong thuộc âm.

- Nó liên quan khí vị, bộ phận dùng của dược liệu

+ Dược liệu mỏng manh (hoa, lá) vị cay, tính nóng có tác dụng thăng phù.

+ Dược liệu cứng rắn (thân, vỏ, rễ...) vị chua, mặn, đắng có tác dụng giáng trâm.

* Quy kinh: đưa thuốc vào đúng kinh lạc sẽ có tác dụng điều trị tốt. Đông y cho rằng hệ kinh lạc là hệ thống liên hệ dọc ngang giữa các bộ phận, cơ quan trong cơ thể.

+ Kinh là những đường liên hệ dọc cơ thể (đường kinh dương chạy dọc từ trên xuống ở bề mặt, đường kinh âm chạy dọc từ dưới lên ở bên trong)

+ Lạc là đường nối các đường kinh.

+ Huyệt là giao điểm kinh và lạc khi châm cứu đưa thuốc vào đó sẽ có tác dụng chữa bệnh.

+ Quy kinh phải kết hợp giữa tính năng của thuốc với lục phủ (thuộc dương): vị, đờm, tiểu trường, đại trường, bàng quang, tam tiêu và ngũ tạng (thuộc âm): tâm, can, tỳ, phế, thận.

2. Mục đích chế biến thuốc đông dược

2.1. Làm giảm bớt hoặc loại bỏ độc tính, tác dụng phụ của thuốc.

VD: Ba đậu ép bỏ dầu, Mã tiền nấu với dấm.

2.2. Làm cho thuốc được ôn hoà hơn hay thay đổi tính năng.

VD: Địa hoàng dùng sống tính hàn gây ỉa chảy, chế biến thành thực địa có tính ấm, tác dụng bổ.

2.3. Đưa thuốc nhập kinh.

VD: Sài hồ, Hương phụ tẩm dấm nhập kinh can.

2.4. Làm tăng tác dụng điều trị.

VD: Cam thảo tẩm mật nhuận phế cầm ho.

2.5. Giúp cho tán bột, chiết suất.

VD: Mẫu lệ, Thạch quyết minh qua luyện tôi dấm tán bột.

2.6. Dễ bảo quản: chế biến dược liệu ổn định bảo quản được lâu, an toàn.

2.7. Loại bỏ được mùi khó chịu.

VD: bạch cương tàm sao trấu loại bỏ mùi hôi.

2.8. Loại tạp và bộ phận không có tác dụng.

VD: Ma hoàng bỏ mấu, Hương phụ bỏ rễ con.

3. Kỹ thuật bào chế thuốc đông dược

3.1. Chế biến sơ bộ (sinh chế): qua các bước

- Làm khô dược liệu:

- Thảo mộc: trừ một số dùng tươi còn phần lớn sau khi thu hái phải phơi, sấy khô ngay để bảo quản, để dùng. Có dược liệu phải ủ một thời gian cho men hoạt động làm biến đổi hoạt chất như: Huyền sâm, Sinh địa, Cam thảo...

- + Phơi khô: dễ thực hiện nhưng không chủ động. Một số dược liệu chỉ được phơi chỗ mát (âm can) như hoa, dược liệu có tinh dầu.

- + Thường sấy khô ở 50 – 60 °C và thủy phần tốt nhất trong dược liệu không quá 15% hoặc tùy loại dược liệu.

- Động vật: dùng toàn thể, phủ tạng hoặc các tuyến. Loại này rất dễ hỏng nên sau khi lấy phải dùng hơi nước để khử khuẩn rồi mới sấy.

VD: Ngô công, Địa long, rắn... loại bỏ phủ tạng có thể tắm trước khi làm khô.

- Làm tinh khiết dược liệu:

- Lựa chọn dược liệu theo tiêu chuẩn: loại bỏ phần không có tác dụng, tách riêng các phần có tác dụng khác nhau.

VD: Quả Kim anh bỏ hạt.

Ma hoàng có tác dụng làm ra mồ hôi nhưng mất rễ cầm mồ hôi.

Quả sen: vỏ (liên thạch) có tác dụng chữa lỵ, cầm khiếu.

thịt quả (liên nhục) có tác dụng bổ dưỡng, có tinh.

chồi mầm (liên tâm) có tác dụng gây ngủ.

- Làm sạch: bằng bàn chải, sàng, sảy, ngâm, rửa... để loại tạp chất cơ học.

- Chia phiến: áp dụng với hầu hết các bộ phận trừ hoa, lá, hạt.

- Mục đích: + Tăng diện tích tiếp xúc với dung môi trong khi chiết xuất.

- + Rút ngắn thời gian chế biến.

- + Giảm thể tích, dễ chia liều, dễ bảo quản.

- Xử lý dược liệu trước khi chia phiến: trừ dược liệu tươi, đa số dược liệu khô trước khi chia phiến phải được làm mềm mới dễ bào thái.

- + Ủ: rửa sạch dược liệu cho vào chum, vại, chậu rồi dùng bao tải sạch, vải dày được làm ẩm đầy kín, giữ ẩm từ vài giờ đến vài ngày.

+ Ngâm: rửa sạch dược liệu rồi ngâm trong dung môi (nước vo gạo, cồn, dấm...) một thời gian tùy loại dược liệu. Có khi để giảm độc tính dược liệu.

+ Đò: một số dược liệu phải đò như: mộc qua, hạt mã tiền, hà thủ ô...

- Chia phiến: dùng dao, kéo, dao cạo, bàn bào hay máy thái chia dược liệu thành từng phần có kích thước cần có như:

+ Củ, rễ, thân thì bào thành từng miếng, lát mỏng ngang thớ.

+ Vỏ rễ, vỏ thân, vỏ quả thì cắt thành mảnh nhỏ.

+ Cây nhỏ thân thảo cắt thành khúc, đoạn từ 1 – 2 – 3 – 4 cm.

- Làm khô phiến: phơi hoặc sấy cho khô.

3.2. Chế biến hoàn chỉnh (thực chế)

3.2.1. Dùng sức nóng khô (hoả chế):

Sức nóng khô thấm vào dược liệu làm giảm bớt tính lạnh, tăng tính ấm, loại bỏ mùi khó chịu, diệt men, nấm mốc, làm khô dược liệu, tăng tính năng của thuốc.

• **Sao:** cho dược liệu vào nồi, chảo, dùng lửa mạnh, lửa yếu, đảo nhanh, chậm, thời gian dài hay ngắn tùy từng loại dược liệu và yêu cầu của điều trị. Trước khi sao phải phân loại dược liệu to, nhỏ để sao được đều.

* *Sao trực tiếp:*

+ Sao qua (vi sao): làm khô, thơm áp dụng với dược liệu mỏng manh không chịu được nhiệt độ cao. VD: Râu ngô, Kinh giới.

+ Sao vàng (hoàng sao): làm khô, thơm, diệt men. Sao nhỏ lửa, đảo đều để dược liệu mặt ngoài màu vàng, mặt trong giữ nguyên màu là được.

VD: Hoa hòe, Hoài sơn, Bạch thược.

+ Sao vàng hạ thổ: sau khi sao vàng còn nóng đổ ngay xuống đất sạch (có lót giấy bản, giấy báo) hoặc đào hố rồi lót giấy làm như trên, đập kín tới khi nguội hẳn để thăng bằng âm dương.

+ Sao vàng xém cạnh: làm giảm vị chua, chát, tanh của dược liệu. Dùng lửa to, đảo chậm tới khi dược liệu mặt ngoài vàng cạnh, cháy xém, trong giữ nguyên màu là được.

VD: Sơn tra, Bạch truật, Đỗ trọng.

+ Sao cháy (thán sao): làm tăng tính thu liễm cầm máu của dược liệu. Dùng lửa nhỏ rồi tăng dần, đảo đều cho tới khi khói bốc lên nhiều, úp vung lại, tắt lửa để nguội. Dược liệu mặt ngoài cháy đen tới 70%, trong vàng nâu.

VD: Trắc bách diệp, Bồ hoàng, Trần bì.....

** Sao gián tiếp có chất trung gian:*

+ Sao trấu: sức nóng thấm sâu vào dược liệu, giảm tính kích thích, giảm mùi khó chịu, tăng tính kiện vị. Cho trấu vào chảo, đảo đều cho tới khi bốc khói, cho dược liệu vào đảo đều tới khi dược liệu có màu vàng nâu.

VD: Phòng đẳng sâm, Bạch thược, Tang bì, Sơn dược....

+ Sao cát: sức nóng tương đối cao thấm sâu vào dược liệu. Nhiệt độ sao khoảng 300 °C, cát nhỏ và phải thật sạch. Rang cát trước cho nóng già, cho dược liệu vào đảo đều tới khi đạt yêu cầu.

VD: Ý dĩ, Mạch nha, Xuyên sơn giáp....

+ Sao vân cập (tro vỏ sò) hay hoạt thạch. Nhiệt độ sao khoảng 200 - 250 °C. Sức nóng tương đối cao thấm sâu vào dược liệu, dược liệu dẻo, keo, có dầu dễ dính.... Vân cập hay hoạt thạch đủ nóng cho dược liệu vào đảo đều tới khi đạt yêu cầu.

VD: A giao, lông nhím....

** Chú ý khi sao:* + Lửa to, lửa nhỏ.
+ Đảo nhanh, đảo chậm.
+ Thời gian ít hay nhiều.

● **Lùi (ôi):** sức nóng thấm đều, chín đều dược liệu. Vùi dược liệu vào tro nóng hay bọc bằng giấy bản ướt hoặc cám ướt rồi lùi.

VD: Mộc hương, Cam thảo, Bạch đậu khấu....

● **Nung:** loại tạt, giảm tính kích thích, dễ tán. Dùng sức nóng cao (200 - 700 °C) để dược liệu chín.

** Nung trực tiếp:* đưa dược liệu trực tiếp vào lò than.

+ Nếu ít thì đặt dược liệu trên tấm sắt, sứ, ngói rồi cho vào lò than đang cháy.

+ Nếu nhiều xếp vào lò, cứ một lớp trấu, một lớp than, một lớp dược liệu cứ như vậy và trên cùng là một lớp trấu và một lớp than.

Đốt từ dưới lên cho cháy âm ỉ, cháy gần hết lấy dược liệu ra có thể ngâm hoặc tôi với chất lỏng cần thiết như dấm...

VD: Thạch cao, Mẫu lệ....

** Nung gián tiếp:* cho dược liệu vào vò đất hay chảo gang đáy kín hoặc không. Đốt lửa, nhiệt độ và thời gian tùy dược liệu cho tới khi đạt yêu cầu.

VD: Bàng sa, Phèn chua....

3.2.2. Dùng chất lỏng (thủy chế):

Chế biến dược liệu phải nhờ tác động của chất lỏng thích hợp (nước, dấm...) để loại tạp chất, giảm độc tính, có tính năng tác dụng muốn có, để phân chia nhỏ...

+ Ngâm, ủ: rửa sạch dược liệu rồi ngâm hay ủ.

VD: hạt Cau ngâm nước một thời gian (giảm độc tính vì arecolin tan trong nước) thái mỏng, tán bột dùng.

+ Thủy phi: Chu sa, Thần sa nghiền với nước, lấy nước đục, bỏ cặn đầu. Để lắng, bỏ nước trong (chứa tạp chất, độc), cho nước vào nghiền làm như trên nhiều lần tới khi thu được bột mịn, rất mịn đạt yêu cầu.

3.2.3. Dùng nhiệt và chất lỏng (thủy hỏa chế):

Tẩm hay cho dược liệu vào trong một lượng chất lỏng thích hợp (nước, cồn, dấm, nước gừng, nước đậu đen...) rồi dùng nhiệt tác động (sao, chưng, nấu...) để thành phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng.

+ Tẩm mật sao: tăng tác dụng bổ, nhuận phế. Lượng mật (mật mía, mật ong) từ 1 – 3 kg cho 10 kg dược liệu. Mật pha loãng với nước (tỷ lệ 1/3), đun sôi cho dược liệu vào đảo đều cho tới khi không dính tay là được.

VD: Cam thảo, Hoàng kỳ, Bách bộ, Viễn chí...

+ Tẩm rượu sao: giảm tính hàn, tăng tính ấm của dược liệu. Dùng rượu trắng hay ethanol 30 – 40°, lượng dùng từ 500 – 1000ml cho 10kg dược liệu. Tẩm đều vào dược liệu ủ 1 – 2 giờ sao vàng.

VD: Hoàng liên, Xuyên khung, Đại hoàng, Thường sơn...

+ Tẩm gừng sao: giảm tính hàn của dược liệu. Dùng gừng tươi từ 500 – 1000g cho 10 kg dược liệu. Gừng tươi giã nát cho một ít nước rồi ép lấy nước, tẩm vào dược liệu, ủ 1 – 2 giờ sao vàng.

+ Tẩm dấm sao: giảm tính tanh của dược liệu, đưa thuốc vào kinh can. Dùng dấm ăn hay dung dịch acid acetic 3 – 5% từ 1000 – 2000ml cho 10kg dược liệu. Tẩm, trộn đều dấm với dược liệu ủ từ 1–2 giờ sao vàng xem cạnh.

VD: Sài hồ, Hương phụ, Ngũ linh chi...

+ Tẩm nước muối sao: tãg tính săn se, đưa thuốc vào hành thủy, kinh thận. Dùng muối ăn từ 200 – 300g cho 10 kg dược liệu. Pha dung dịch muối 10 – 20% với nước, tẩm trộn đều với dược liệu, ủ 2 – 3 giờ sao, nếu dược liệu có chất nhầy dễ vón thì vừa phun vừa sao tới khi đạt yêu cầu.

VD: Xa tiền tử, Hoàng bá, Đỗ trọng...

+ Tắm các chất khác sao: dùng sữa (sữa dê, sữa bò...), nước hoàng thổ, nước đồng tiện, tăng tác dụng bổ, đưa thức nhập kinh, lượng dùng tùy chất cần tắm và dược liệu cần tắm, cũng như yêu cầu dùng. Tắm trộn đều với dược liệu, ủ một thời gian sao tới khi đạt yêu cầu.

VD: Hương phụ...

+ Chưng: giảm độc tính, giảm tác dụng phụ và có tính năng tác dụng mong muốn, dễ bào thái. Đun cách thủy dược liệu đã được ngâm trong một chất lỏng thích hợp, ngâm nước (Huyền sâm, Mộc qua), ngâm rượu (Đại hoàng, Hoàng tinh), ngâm nước đậu đen (Hà thủ ô đỏ), ngâm nước cồn sa nhân, gừng (Sinh địa), ngâm dấm (Ngũ bội tử) trong thời gian cần thiết 12 – 36 giờ đến khi đạt yêu cầu.

+ Nấu: giảm độc tính, giảm tính kích thích, giảm, mất tác dụng phụ. Đun sôi dược liệu trong một chất lỏng và thời gian cần thiết để thu được thành phẩm đạt yêu cầu.

VD: chế Mã tiền.

+ Đồ: giảm tính kích thích, giảm tác dụng phụ, có tính năng tác dụng cần có, dễ bào thái. Dùng hơi nước ở nhiệt độ sôi đi qua dược liệu (có thể có một số chất khác trong đó cùng dược liệu) một thời gian để thu được thành phẩm đạt yêu cầu.

VD: chế Hà thủ ô đỏ.

4. Bào chế các dược liệu thường dùng

4.1. Chế dược liệu độc

• Chế Thạch tín (thạch tín chế sương): chọn loại có màu hồng.

+ Cho vào nồi đất, đập vung, trát kín bằng đất sét hay cám (không có vết nứt sau khi khô). Đốt nhỏ lửa rồi tăng dần, để nguội, thực hiện ở cuối chiều gió.

+ Cây vung, lấy phần bột bám ở vung làm thuốc. (thạch tín còn gọi là nhân ngôn).

+ Liều tối đa: 0,002g /lần – 0,004g /24h.

• Chế Ba đậu sương:

+ Hạt ba đậu bỏ vỏ cứng, lấy nhân sao vàng – ép, dùng giấy thấm hoặc vải thấm hết dầu, chỉ còn bã sấy khô, tán bột.

+ Chú ý: khi chế phải bảo vệ mắt, da vì dầu Ba đậu rất độc, gây phỏng, bỏng, đỏ da.

• Chế Mã tiền:

+ Hạt mã tiền ngâm nước vo gạo tới mềm, cạo bỏ vỏ ngoài, mầm. Tắm dầu vừng để một đêm (12h) sao vàng đậm.

+ Liều tối đa: 0,4g /lần – 1g /24h.

• Chế Hoàng nàn:

+ Vỏ thân, vỏ cành cây Hoàng nàn, ngâm nước 12 – 24h, cạo bỏ vỏ ngoài, ngâm nước vo gạo 3 ngày (hàng ngày thay nước vo gạo). Thái mỏng, sấy khô.

+ Liều tối đa: 0,1g /lần – 0,4g /24h.

• Chế Phụ tử:

+ Phụ tử muối (diêm phụ, sinh phụ): phụ tử rửa sạch, muối như muối cà (một lượt phụ tử, một lượt muối), nén nặng, đập kín, ít nhất sau 6 tháng mới dùng.

+ Bạch phụ: diêm phụ rửa sạch muối, ngâm nước 1 đêm (12h), cạo vỏ, rửa sạch, bỏ đôi, bỏ tư, ngâm nước một đêm. Bào thái mỏng, phơi sấy khô, khi dùng tẩm nước gừng, nước cam thảo tùy trường hợp.

+ Hắc phụ: diêm phụ bỏ đầu đuôi cạo vỏ, rửa sạch. Thái phiến mỏng, tẩm nước đậu đen phơi, tẩm phơi 3 lần. Đồ 1 lần rồi phơi sấy khô.

Chế được liệu thường

• Chế Khương (chế gừng):

+ Sinh khương (gừng tươi): thân rễ gừng, rửa sạch thái lát mỏng hoặc giã nát, ép sấy, tán bộtDùng chữa cảm mạo, ẩm trong, tán hàn.

+ Can khương (gừng khô):

Theo Trung y: sinh khương già ngâm 2 ngày, cạo vỏ. Ngâm vào nước chảy 6 ngày, lại cạo bỏ vỏ trong. Phơi, sấy khô.

Theo Việt Nam: sinh khương giã dập, rửa sạch, phơi héo, đồ. Phơi hay sấy nhẹ cho khô. Khi dùng rửa sạch, đồ qua thái lát mỏng, làm khô.

Trị hàn lạnh, đau bụng, trướng bụng, thổ ra huyết.

+ Tiêu khương (can khương sao): can khương sao mặt ngoài đen, trong còn màu vàng là được. Trị đau bụng, cầm máu.

+ Thán khương (hắc khương): can khương thán sao trong còn tủy vàng, còm mùi gừng thì úp vung, tắt lửa, thỉnh thoảng đảo, tới khi không còn khói là được. Tốt nhất là cho vào nồi đất, đập vung, trát kín để hai lỗ nhỏ, đốt tới khi không còn khói bay ra là được. Trị đau bụng, cầm máu.

• Chế Hy thiêm

Theo Trung y: cành nhỏ và lá phơi khô, tẩm rượu, mật, trộn lẫn đồ chín, phơi khô. Làm 9 lần.

Theo Việt Nam: rửa sạch, thái khúc, phơi khô. Tẩm rượu 1000 ml và 500g mật cho 10 kg, chung, phơi, tẩm. Làm 9 lần.

Sao vàng, nấu cao lỏng. Trị phong tê thấp.

- Chế Thạch cao: loại trong – trắng có thớ (loại tốt). Có hơi dầu, sẫm vàng (loại xấu).

Theo Trung y: giã bột nấu với nước Cam thảo, phi qua, làm khô nghiền nhỏ rồi dùng.

Vì tính hàn nên nung đỏ hoặc lẫn với đường làm sao không hại dạ dày.

Theo Việt Nam: dùng sống tán trước khi sắc. Giã nhỏ ngâm rượu một đêm, sáng bỏ rượu lấy bột phơi dùng (ít được dùng).

Làm hoàn tán: nung qua, rây, tán mịn.

Trị bệnh nhiệt, đổ mồ hôi, tiêu khát, sốt, mê sảng, hoảng hốt, trúng nắng, ho phế nhiệt, đau đầu, đau răng do vị hỏa.

- Chế Hà thủ ô đỏ:

Hà thủ ô	10 kg
----------	-------

Đậu đen	1 kg
---------	------

Hà thủ ô rửa sạch, ngâm nước vo gạo 24 giờ. Rửa sạch, đổ nước đậu đen cho ngập (đậu đen cho 20 lít nước nấu như lấy nước). Nấu cách thủy 12 giờ tới khi đạt (không chát, vị ngọt), lấy ra phơi sấy - tẩm, phơi sấy cho hết và khô là được, hay là đồ Hà thủ ô với đậu đen: cho Hà thủ ô đỏ vào chỗ, cứ một lượt Hà thủ ô đỏ lại một lớp đậu đen, trên cùng là một lớp đậu đen. Đồ 12^h làm 9 lần. Bào, thái mỏng, phơi khô.

- Chế Thục địa:

Sinh địa	10,0 kg
----------	---------

Sinh khương	0,5 kg
-------------	--------

Sa nhân	0,5 kg
---------	--------

Ethanol 90°	1,5 lít
-------------	---------

+ Chuẩn bị:

Sinh địa lựa chọn, rửa nhanh bằng nước ăn được, ủ một đêm (12^h) trong túi vải dày thô nếu lượng ít hoặc bao tải nếu lượng nhiều. Phân loại to, nhỏ để tiến hành chung.

Sinh khương rửa sạch giã nát.